PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC GIỐNG THUỶ SẢN ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU THÔNG THƯỜNG

(kèm theo Quyết Định số: 38/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. CÁC LOÀI THỦY SẢN NHẬP KHẨU NUÔI THƯƠNG PHẨM

I.1- Giống Nước Ngọt:

TT	Mã hàng			Tên Việt Nam	Tên khoa học
				A.Cá	
1	0301	99	21	Cá lóc	*Channa striata*
2	0301	99	21	Cá quả	*Channa maculatus*
3	0301	99	21	Cá lóc bông	*Chana micropeltes*
4	0301	99	21	Cá trê vàng	*Clarias macrocephalus*
5	0301	99	21	Cá trê trắng	*Clarias batrachus*
6	0301	99	21	Cá trê đen	*Clarias fuscus*
7	0301	99	21	Cá trê phi	*Clarias gariepinus*
8	0301	99	21	Cá sặc bướm	*Trichogaster tricopterus*
9	0301	99	21	Cá sặc rằn	*Trichogaster pectoralis*
10	0301	99	21	Cá bống tượng	*Oxyeleotris marmoratus*
11	0301	99	21	Cá ba sa	*Pangasius bocourti*
12	0301	99	21	Cá tra dầu	*Pangasius gigas*
13	0301	99	21	Cá tra	*Pangasius hypophthalmus*
14	0301	99	21	Cá bông lau	*Pangasius krempfi*
15	0301	99	21	Cá bụng	*Pangasius pangasius*
16	0301	99	21	Cá Hú	*Pangasius conchophilus*
17	0301	99	21	Cá sát sọc	*Pangasius macronema*
18	0301	99	21	Cá vồ đém	*Pangasius larnaudii*
19	0301	99	21	Cá he vàng	*Barbodes schwanefeldi*
20	0301	99	21	Cá mè Hoa	*Aristichthys nobilis*
21	0301	99	21	Cá mè vinh	*Barbodes gonionotus*
22	0301	99	21	Cá trắm đen	*Mylopharyngodon piceus*
23	0301	99	21	Cá Trắm cỏ	*Ctenopharyngodon idellus*
24	0301	93	10	Cá chép	*Cyprinus carpio*
25	0301	99	21	Cá trôi	*Cirrhinus molitorella*
26	0301	99	21	Cá tai tượng	*Osphronemus goramy*
27	0301	99	21	Cá mè trắng	*Hypophthalmichthys molitrix*
28	0301	99	21	Cá Bống	*Sineleotris namxamensis*
29	0301	99	21	Cá chiên	*Bagarius bagarius*
30	0301	92	00	Cá Chình	*Anguilla spp*
31	0301	99	21	Cá Chuối (xộp)	*Channa maculata*

32	0301	99	21	Cá Diếc	*Carassius auratus*
33	0301	99	21	Cá lăng tựa ki	*Mystus wyckii*
34	0301	99	21	Cá lăng nha	*Hemibagrus nemurus*
35	0301	99	21	Cá Lăng chấm	*Hemibagrus guttatus/elongatus*
36	0301	99	21	Cá Mrigal	*Cirrhinus mrigala*
37	0301	99	21	Cá Rô hu	*Labeo rohita*
38	0301	99	21	Cá rô đồng	*Anabas testudineus*
39	0301	99	21	Cá rô phi	*Oreochromis spp*
40	0301	99	21	Cá vền	*Megalobrama sokolkovii*
41	0301	99	21	Cá chim trắng	*Colossoma branchypomum*
42	0301	99	21	Cá còm	*Notopterus chilata*
43	0301	99	21	Cá thát lác	*Notopterus notopterus*
44	0301	99	21	Cá bò	*Pseudobagrus fulvibraco*
45	0301	99	21	Cá chẻm	*Lates calcarifer*
46	0301	99	21	Cá bống trắng	*Glossogobius giuris*
47	0301	99	21	Cá chạch sông	*Mastacembelus armatus*
48	0301	99	21	Cá bống kèo	*Pseudapocryptes lanceolatus*
				B. Giáp xác - lưỡng cư	
1	0306	23	10	Tôm càng xanh	*Macrobrachium rosenbergii*
2	0306	24	10	Cua đồng	*Somanniathelphusa sinensis*
3	0306	23	10	Tôm càng nước ngọt	*Macrobrachium nipponense*
				C. Nhuyễn thể	
1	0307	91	10	Trai sông	*Sinanodonta elliptica*
2	0307	91	10	Trai cánh mỏng	*Cristaria bialata*
3	0307	91	10	Trai cóc	*Lampotula leai*
4	0307	60	10	ốc nhồi	*Pila polita*
				D. Lưỡng cư	
1	0106	20	00	Baba hoa	*Trionyx sinensis*
2	0106	20	00	Baba gai	*T.steinachderi*
3	0106	20	00	Baba Nam bộ	*T.cartilagineus*

I.2- Giống nước mặn/lợ

TT	Mã hàng			Tên Việt Nam	Tên khoa học
				A. Cá	
1	0301	99	21	Cá bống bớp	*Bostrichthys sinensis*
2	0301	99	21	Cá cam	*Seriola dumerili*
3	0301	99	21	Cá đối mục	*Mugil cephalus*
4	0301	99	21	Cá hồng	*Lutjanus erythropterus*
5	0301	99	21	Cá hồng đỏ	*Lutjanus sanguineus*
6	0301	99	21	Cá hồng bạc	*Lutjanus argentimaculatus*
7	0301	99	11	Cá măng biển	*Chanos chanos*
8	0301	99	21	Cá ngựa Nhật bản	*Hyppocampus japonica*
9	0301	99	21	Cá ngựa đen	*H.kuda*

10	0301	99	21	Cá ngựa chấm	*H.trinaculatus*
11	0301	99	21	Cá ngựa gai	*H.histrix*
12	0301	99	21	Cá mú (song) chấm đỏ	*Epinephelus akaara*
13	0301	99	21	Cá mú (song) chấm tổ ong	*Epinephelus merna*
14	0301	99	21	Cá mú (song) hoa nâu	*Epinephelus fusscoguttatus*
15	0301	99	21	Cá mú (song) vạch	*Epinephelus brunneus*
16	0301	99	21	Cá mú (song) trắng/chấm xanh	*Plectropomus leopardus*
17	0301	99	21	Cá mú (song) dẹt/chuột	*Cromileptes altivelis*
18	0301	99	21	Cá mú (song) nghệ	*Epinephelus lanceolatus*
19	0301	99	21	Cá mú (song) sao	*Plectropomus maculatus*
20	0301	99	21	Cá mú (song) chấm vạch	*Epinephelus amblycephalus*
21	0301	99	21	Cá mú (song) chấm đen	*Epinephelus malabaricus*
22	0301	99	21	Cá mú (song) chấm gai	*Epinephelus coioides*
23	0301	99	21	Cá mú (song) mỡ	*Epinephelus tauvina*
24	0301	99	21	Cá mú (song) chấm	*Epinephelus chlorostigma*
25	0301	99	21	Cá mú (song) sáu sọc ngang	*Epinephelus fasciatus*
26	0301	99	21	Cá mú (song) sáu sọc	*Epinephelus sexfasciatus*
27	0301	99	21	Cá mú (song) chấm	*Epinephelus areolatus*
28	0301	99	21	Cá chẽm (vược)	*Lates calcarifer*
29	0301	99	21	Cá bớp biển/ cá giò	*Rachycentron canadum*
30	0301	99	21	Cá chim trắng	*Pampus argenteus*
31	0301	99	21	Cá đù đỏ Mỹ	*Sciaenops ocellatus*
32	0301	99	21	Cá tráp vàng	*Sparus latus*
				B. Giáp xác	
1	0511	91	90	Artemia dòng Caliphonia	Artemia
2	0511	91	90	dòng Sanphracysco	
3	0306	24	10	Cua Cara	*Erischei sinensis*
4	0306	24	10	Cua bể	*Scylla serrata*
5	0306	23	10	Tôm nương	*Penaeus orientalis*
6	0306	23	10	Tôm mùa (lớt)	*P.merguiensis*
7	0306	23	10	Tôm he Nhật	*P.japonicus*
8	0306	23	10	Tôm he ấn Độ	*P.indicus*
9	0306	23	10	Tôm thẻ rằn	*P.semisulcatus*
10	0306	23	10	Tôm sú	*P.monodon*
11	0306	21	10	Tôm hùm bông	*Panulirus ornatus*
12	0306	21	10	Tôm hùm đỏ	*P.longipes*
13	0306	21	10	Tôm hùm đá	*P.homarus*
14	0306	21	10	Tôm hùm vằn	*P.versicolor*
15	0306	23	10	Tôm rảo	*Metapenaeus ensis*
				C. Nhuyễn thể	
1	0307	91	10	Bào ngư chín lỗ	*Haliotis diversicolor*
2	0307	91	10	Bào ngư bầu dục	*Haliotis ovina*
3	0307	91	10	Bào ngư vành tai	*Haliotis asinina*
4	0307	91	10	Tu hài	*Lutraria philippinarum*
5	0307	91	10	Bàn mai	*Atrina pectinata*
6	0307	10	10	Hầu cửa sông	*Crasostrea rivularis*

7	0307	21	10	Điệp quạt	*Mimachlamys crass*
8	0307	91	10	Ngao dầu	*Meretrix meretrix*
9	0307	91	10	Ngán	*Austriella corrugata*
10	0307	91	10	Nghêu Bến Tre	*Meretrix lyrata*
11	0307	91	10	Nghêu lụa	*Paphia undulata*
12	0307	91	10	Ốc hương	*Babylonia areolata*
13	0307	91	10	Sò lông	*Anadara subcrenata*
14	0307	91	10	Sò Nodi	*Anadara nodifera*
15	0307	91	10	Sò huyết	*Acra granosa*
16	0307	91	10	Sá sùng	*Stipuncula sp*
17	0307	91	10	Trai ngọc nữ	*Pteria penguin*
18	0307	91	10	Trai ngọc môi vàng	*Pinctada maxima*
19	0307	91	10	Trai ngọc môi đen	*Pinctada margaritifera*
20	0307	91	10	Trai ngọc trắng	*Pteria martensii*
21	0307	91	10	Trai tai nghé	*Tridacna squamosa*
22	0307	91	10	Hải sâm	*Holothuria spp*
23	0307	31	10	Vẹm vỏ xanh	*Perna viridis*
				D. Rong tảo	
1	1212	20	90	Rong câu chỉ vàng	*Gracilaria verrucosa*
2	1212	20	90	Rong câu chỉ	*Gracilaria tenuistipitata*
3	1212	20	90	Rong câu Bành mai	*Gracilaria bangmeiana*
4	1212	20	90	Rong câu chân vịt	*Gracilaria eucheumoides*
5	1212	20	90	Rong câu thừng	*Gracilaria lemaneiformis*
6	1212	20	90	Rong mơ	*Sargassum spp*
7	1212	20	90	Rong câu cước	*Gracilaria heteroclada*
8	1212	20	90	Rong hồng vân	*Betaphycus gelatinum*
9	1212	20	90	Rong sụn	*Kappaphycus sp (Eucheuma gelatinea)*
10	1212	20	20	Tảo làm thức ăn cho ấu trùng tôm cá	

II. CÁC LOÀI THUỶ SẢN NHẬP KHẨU LÀM CÁ CẢNH:

TT	Mã hàng			Tên thương mại	Tên loài
Họ Acheilognathinae					
1	0301 0301	10 10	10 30	Cá thè be dài	*Acanthorhodeus tonkinensis*
2	0301 0301	10 10	10 30	Cá bướm giả	*Pararhodeus kyphus*
3	0301 0301	10 10	10 30	Cá bướm sông Đáy	*Acanthorhodeus daycus*
4	0301 0301	10 10	10 30	Cá bướm be nhỏ	*Pararhodeus elongatus*
5	0301 0301	10 10	10 30	Cá thè be râu dài	*Acanthorhodeus longibarbus*
6	0301	10	10	Cá bướm be	*Rhodeus ocellatus*

	0301	10	30		
Họ Adrianichthyidae					
7	0301 0301	10 10	10 30	Cá sóc	*Oryzias laticeps*
Họ Anabantidae					
8	0301 0301	10 10	10 30	Cá rô	*Anabas testudineus*
Họ Apteronotidae					
9	0301 0301	10 10	10 30	Cá hắc ma quỷ/cá lông gà	*Apteronotus albifrons*
Họ Bagridae					
10	0301 0301	10 10	10 30	Cá chốt sọc thường	*Mystus vittatus*
11	0301 0301	10 10	10 30	Cá lăng vàng	*Mystus wolffii*
12	0301 0301	10 10	10 30	Cá chốt vạch	*Mystus mysticetus*
13	0301 0301	10 10	10 30	Cá chốt	*Mystus gulio*
14	0301 0301	10 10	10 30	Cá lăng đuôi đỏ	*Mystus wyckoides*
15	0301 0301	10 10	10 30	Cá chốt bông	*Leiocassis siamensis*
Họ Barbinae					
16	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoả tiễn/cá học trò	*Balantiocheilus melanopterus*
17	0301 0301	10 10	10 30	Cá cóc đậm	*Cyclocheilichthys apogon*
Họ Batrachoididae					
18	0301 0301	10 10	10 30	Cá mặt quỷ/cá mang ếch/mao ếch	*Batrachus grunniens*
Họ Belonidae					
19	0301 0301	10 10	10 30	Cá sấu hoả tiễn/cá kìm sông	*Xenentodon cancila*
20	0301 0301	10 10	10 30	Cá chọi, cá xiêm, cá phướn	*Betta splendens*
21	0301 0301	10 10	10 30	Cá đuôi cờ nhọn	*Pseudotropheus dayi*

22	0301 0301	10 10	10 30	Cá thanh ngọc	*Trichopis pumilus*
23	0301 0301	10 10	10 30	Cá bã trầu	*Trichopis vittatus*
24	0301 0301	10 10	10 30	Cá sặc rằn	*Trichogaster pectoralis*
25	0301 0301	10 10	10 30	Cá sặc trân châu	*Trichogaster leeri*
26	0301 0301	10 10	10 30	Cá sặc gấm	*Colisa lalia*
27	0301 0301	10 10	10 30	Cá sặc bạc	*Trichogaster microlepis*
28	0301 0301	10 10	10 30	Cá sặc bướm	*Trichogaster trichopterus*
Họ Callichthyidae					
29	0301 0301	10 10	10 30	Cá chuột (các loài)	*Corydoras spp.*
Họ Centropomidae					
30	0301 0301	10 10	10 30	Cá sơn bầu	*Chanda wolffii*
Họ Channidae					
31	0301 0301	10 10	10 30	Cá chuối hoa	*Channa maculates*
32	0301 0301	10 10	10 30	Cá lóc bông	*Channa micropeltes*
33	0301 0301	10 10	10 30	Cá chành dục	*Channa gachua*
34	0301 0301	10 10	10 30	Cá lóc/cá quả	*Channa striatus*
Họ Characidae					
35	0301 0301	10 10	10 30	Cá bánh lái/cá cánh buồm	*Gymnocorymbus ternetzi*
36	0301 0301	10 10	10 30	Cá hồng nhung	*Hyphessobrycon callistus*
37	0301 0301	10 10	10 30	Cá neon	*Paracheirodon innesi*
38	0301 0301	10 10	10 30	Cá chim trắng làm cảnh (silver dollar)	*Brachychalcinus orbicularis*
Họ Cichlidae					

39	0301 0301	10 10	10 30	Cá la hán	*Cichlasoma bifasciatum*
40	0301 0301	10 10	10 30	Cá huyết trung hồng (zebra)	*Metriaclima zebra*
41	0301 0301	10 10	10 30	Cá đầu lân kim tuyến	*Aequidens pulcher*
42	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoàng đế	*Cichla ocellaris*
43	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoàng kim	*Cichlasoma aureum*
44	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoả khẩu	*Cichlasoma helleri*
45	0301 0301	10 10	10 30	Cá kim thơm bảy màu	*Cichlasoma salvini*
46	0301 0301	10 10	10 30	Cá ali	*Sciaenochromis ahli*
47	0301 0301	10 10	10 30	Cá dĩa các loại	*Symphysodon spp*
48	0301 0301	10 10	10 30	Cá hồng két	*Cichlasoma citrinellum* *Cichlasoma spirulum*
49	0301 0301	10 10	10 30	Cá tai tượng phi châu	*Astronotus ocellatus*
50	0301 0301	10 10	10 30	Cá quan đao	*Geophagus surinamensis*
51	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoàng tử phi châu	*Labidochromis caeruleus*
52	0301 0301	10 10	10 30	Cá tuyết tiêu/cá tuyết điêu	*Pseudotropheus socolofi*
53	0301 0301	10 10	10 30	Cá thần tiên/cá ông tiên	*Pterophyllum scalare*
54	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoàng quân sáu sọc	*Tilapia kuttikoferi*
Họ Clariidae					
55	0301 0301	10 10	10 30	Cá trê trắng	*Clarias batrachus*
Họ Cobitidae					
56	0301 0301	10 10	10 30	Chạch khoang sọc, cá heo mắt gai	*Pangio kuhlii*
57	0301	10	10	Cá heo hề/chuột ba sọc	*Botia macracanthus*

	0301	10	30		
58	0301 0301	10 10	10 30	Cá heo rừng	*Botia hymenophysa*
59	0301 0301	10 10	10 30	Cá heo vạch	*Botia modesta*
60	0301 0301	10 10	10 30	Cá heo chân	*Acanthopus choirohynchos*
61	0301 0301	10 10	10 30	Cá heo mắt gai/gai mắt	*Acanthophthalmus kuhlii*
62	0301 0301	10 10	10 30	Cá heo chấm	*Botia beauforti*
63	0301 0301	10 10	10 30	Cá heo rê	*Botia horae*
64	0301 0301	10 10	10 30	Cá heo râu	*Botia molerti*
Họ Coiidae					
65	0301 0301	10 10	10 30	Cá thái hổ, cá hường	*Datnioides microlepis*
66	0301 0301	10 10	10 30	Cá thái hổ vằn, cá hường vện	*Datnioides quadrifasciatus*
Họ Cultrinae					
67	0301 0301	10 10	10 30	Cá mại nam	*Chela laubuca*
Họ Cyprinidae					
68	0301 0301	10 10	10 30	Cá trôi vàng/cá chuột vàng	*Labeo frenatus*
69	0301 0301	10 10	10 30	Cá tứ vân	*Barbodes tetrazona*
70	0301 0301	10 10	10 30	Cá he vàng	*Barbodes altus*
71	0301 0301	10 10	10 30	Cá đỏ mang	*Barbodes orphoides*
72	0301 0301	10 10	10 30	Cá ngũ vân	*Barbodes partipentazona*
73	0301 0301	10 10	10 30	Cá he đỏ	*Barbodes schwanenfeldii*
74	0301 0301	10 10	10 30	Cá đòng đong	*Barbodes semifaciolatus*
75	0301	10	10	Cá đong gai sông đà	*Barbodes takhoaensis*

	0301	10	30		
76	0301 0301	10 10	10 30	Cá chôn hai màu	*Epalzeorhynchos bicolor*
77	0301 0301	10 10	10 30	Cá chát sọc	*Lissochilus sp*
78	0301 0301	10 10	10 30	Cá trắng	*Barbodes binotatus*
79	0301 0301	10 10	10 30	Cá rầm nam/cá gầm nam	*Barbodes leiacanthus*
80	0301 0301	10 10	10 30	Cá vàng/cá tàu, cá ba đuôi	*Carassius auratus*
81	0301 0301	10 10	10 30	Cá xảm mắt to	*Daniops macropterus*
82	0301	10	10	Cá mè lúi	*Osteochilus hasseltii*
	0301	10	30		
83	0301 0301	10 10	10 30	Cá chát vạch	*Lissochilus clivosius*
84	0301 0301	10 10	10 30	Cá trà sọc	*Probarbus jullieni*
85	0301 0301	10 10	10 30	Cá đong chấm	*Barbodes stigmatosomus*
86	0301 0301	10 10	10 30	Cá trôi hai màu/chuột đuôi đỏ	*Labeo bicolor*
87	0301 0301	10 10	10 30	Cá ét mọi	*Morulius chrysophekadion*
88	0301 0301	10 10	10 30	Cá xảm mắt bé	*Daniops nammuensis*
89	0301 0301	10 10	10 30	Cá ba lưỡi	*Barbichthys laevis*
90	0301 0301	10 10	10 30	Cá lúi sọc	*Osteochilus vittatus*
91	0301 0301	10 10	10 30	Cá diếc nhằng	*Aphyocypris pooni*
92	0301 0301	10 10	10 30	Cá chày/chài	*Leptobarbus hoevenii*
93	0301 0301	10 10	10 30	Cá nho chảo	*Sarcocheilichthys nigripinis*
94	0301 0301	10 10	10 30	Cá chép gấm (cá chép Nhật 3 màu)	*Cyprinus carpio*

95	0301 0301	10 10	10 30	Cá ngựa vằn/sọc xanh	*Brachydanio rerio*
96	0301 0301	10 10	10 30	Cá bạc đầu	*Aplocheilus panchax*
Họ Danioninae					
97	0301 0301	10 10	10 30	Cá long tong lưng thấp	*Rasbora myersi*
98	0301 0301	10 10	10 30	Cá chuôn bụng sắc	*Zacco spilurus*
99	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong sắt	*Esomus metallicus*
100	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong mại	*Rasbora argyrotaenia*
101	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong mương	*Luciosoma bleekeri*
102	0301 0301	10 10	10 30	Cá mương nam	*Luciosoma setigerum*
103	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong	*Esomus danrica*
104	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong vạch đỏ	*Rasbora retrodorsalis*
105	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong đá	*Rasbora paviana*
106	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong đuôi đỏ	*Rasbora borapetensis*
107	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong dị hình	*Rasbora heteromorpha*
108	0301 0301	10 10	10 30	Cá chuôn bụng tròn	*Zacco platypus*
109	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong/cá đuôi đỏ	*Rasbora lateristriata*
110	0301 0301	10 10	10 30	Cá lòng tong sọc	*Rasbora trilineata*
Họ Eleotridae					
111	0301 0301	10 10	10 30	Cá bống cau	*Butis butis*
112	0301 0301	10 10	10 30	Cá bống tượng	*Oxyeleotris marmoratus*
Họ Gobiidae					

113	0301 0301	10 10	10 30	Cá bống mít	*Stigmatogobius sadanundio*
114	0301 0301	10 10	10 30	Cá ống điếu	*Brachygobius sua*
115	0301 0301	10 10	10 30	Cá bống cát	*Glossogobius giuris*
Họ Cyprinidae (Hampala)					
116	0301 0301	10 10	10 30	Cá ngựa nam/cá ngựa vạch	*Hampala macrolepidota*
117	0301 0301	10 10	10 30	Cá ngựa chấm	*Hampala dispar*
Họ Helostomatidae					
118	0301 0301	10 10	10 30	Cá mùi	*Helostoma temminckii*
Họ Hemiramphidae					
119	0301 0301	10 10	10 30	Cá lìm kìm ao	*Dermogenys pusillus*
Họ Labeoninae					
120	0301 0301	10 10	10 30	Cá vây đỏ đuôi đỏ/cá nút	*Epalzeorhynchos frenatus*
121	0301 0301	10 10	10 30	Cá hắc bạc/cá chuồn sông	*Crossocheilus siamensis*
122	0301 0301	10 10	10 30	Cá chuôn Xiêm	*Epalzeorhynchos siamensis*
Họ Latidae (nước lợ)					
123	0301 0301	10 10	10 20	Cá chẽm	*Lates calcarifer*
Họ Mastacembelidae					
124	0301 0301	10 10	10 30	Cá chạch khoang	*Mastacembelus circumceintus*
125	0301 0301	10 10	10 30	Cá chạch rằn	*Mastacembelus taeniagaster*
126	0301 0301	10 10	10 30	Cá chạch lá tre/chạch gai	*Macrognathus aculeatus*
127	0301 0301	10 10	10 30	Cá chạch bông	*Mastacembelus (armatus) favus*
128	0301 0301	10 10	10 30	Cá chạch sông	*Mastacembelus armatus*
Họ Melanotaeniidae					

129	0301 0301	10 10	10 30	Cá cầu vồng	*Glossolepis incisus*
Họ Monodactylidae					
130	0301 0301	10 10	10 30	Cá chim dơi bốn sọc	*Monodactylus sebae*
131	0301 0301	10 10	10 30	Cá chim	*Monodactylus argenteus*
Họ Nandidae					
132	0301 0301	10 10	10 30	Cá sặc vện	*Nandus nandus*
Họ Notopteridae					
133	0301 0301	10 10	10 30	Cá thác lác	*Notopterus notopterus*
134	0301 0301	10 10	10 30	Cá nàng hai vàng, cá nàng hai, cá còm	*Notopterus chitala*
Họ Osphronemidae					
135	0301 0301	10 10	10 30	Cá đuôi cờ	*Macropodus opercularis*
136	0301 0301	10 10	10 30	Cá tai tượng/phát tài/hồng phát tài	*Osphronemus goramy*
Họ Osteoglossidae					
137	0301 0301	10 10	10 30	Cá ngân long	*Osteoglossum bicirrhosum*
138	0301 0301	10 10	10 30	Cá kim long Úc đốm rằn/kim long Úc đốm sao/cá Trân Châu Long	*Scleropages leichardti*
139	0301 0301	10 10	10 30	Cá huyết long (Hồng long)/cá kim long hồng vĩ/cá quá bối kim long/cá rồng/thanh long	*Scleropages formosus*
140	0301 0301	10 10	10 30	Cá hắc long	*Osteoglossum ferreirai*
Họ Pangasiidae					
141	0301 0301	10 10	10 30	Cá tra yêu	*Pangasius sutchi*
Họ Pimelodidae					
142	0301 0301	10 10	10 30	Cá mỏ vịt	*Pseudoplatystoma fasciata*
143	0301 0301	10 10	10 30	Cá hồng vĩ	*Phractocephalus hemioliopterus*
Họ Poeciliidae					
144	0301	10	10	Cá hồng kim (hồng kiếm)	*Xiphophorus maculatus*

	0301	10	30		
145	0301 0301	10 10	10 30	Cá bảy màu/cá khổng tước	*Poecilia reticulata*
146	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoà lan râu	*Poecilia sphenops*
147	0301 0301	10 10	10 30	Cá hắc bố luỹ	*Molliensia latipinna*
148	0301 0301	10 10	10 30	Cá hoà lan tròn	*Poecilia velifera*
Họ Polynemidae					
149	0301 0301	10 10	10 30	Cá phèn trắng	*Polynemus longipectoralis*
150	0301 0301	10 10	10 30	Cá phèn vàng	*Polynemus paradiscus*
Họ Polypteridae					
151	0301 0301	10 10	10 30	Cá khủng long vàng	*Polypterus senegalus*
152	0301 0301	10 10	10 30	Cá khủng long bông	*Polypterus ornatipinnis*
Họ Pomacanthidae					
153	0301 0301	10 10	10 30	Cá bướm biển (Angel oriole)	*Centropyge bicolor*
Họ Gyrinocheilidae (Pseudoperilampus hainensis)					
154	0301 0301	10 10	10 30	Cá may	*Gyrinocheilus aymonieri*
Họ Scatophagidae					
155	0301 0301	10 10	10 20	Cá nâu	*Scatophagus argus*
Họ Siluridae					
156	0301 0301	10 10	10 30	Cá trèn lá/trèn mỏng/trèn thuỷ tinh	*Kryptopterus bicirrhis*
157	0301 0301	10 10	10 30	Cá trèn mỡ	*Kryptopterus apogon*
158	0301 0301	10 10	10 30	Cá trèn bầu	*Ompok bimaculatus*
159	0301 0301	10 10	10 30	Cá trèn đá	*Kryptopterus cryptopterus*
Họ Teraponidae					
160	0301	10	10	Cá căng ba chấm	*Terapon puta*

	0301	10	20		
161	0301 0301	10 10	10 20	Cá căng sọc thẳng	*T theraps*
162	0301 0301	10 10	10 20	Cá căng 4 chấm/cá căng mõm nhọn	*Terapon oxyrhynchus*
163	0301 0301	10 10	10 20	Cá căng sọc cong	*Terapon jarbua*
Họ Tetraodontidae					
164	0301 0301	10 10	10 30	Cá nóc da báo/cá nóc beo	*Tetrodon fluviatilis*
165	0301 0301	10 10	10 30	Cá nóc dài	*Tetrodon leiurus*
166	0301 0301	10 10	10 30	Cá nóc mít	*Tetrodon palembangensis*
Họ Toxotidae					
167	0301 0301	10 10	10 30	Cá mang rổ/phun nước/cao xạ pháo	*Toxotes jaculator*
168	0301 0301	10 10	10 30	Cá mang rổ	*Toxotes chatareus*

Ghi chú: Mã hàng trên áp cho cá giống và cá thương phẩm.